

Bản án số: 61/2024/HS-ST
Ngày 24-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương

Ông Trần Ngọc Hải

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. NQV, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1988 tại Hải Phòng; nơi thường trú: Số A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 50 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông G và bà H; có 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự; nhân thân: Tại Bản án số 60/HSST/2006 ngày 09/3/2006 của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án số 32/HSST/2007 ngày 28/6/2007 của Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt với bản án số 60/HSST/2006 ngày 09/3/2006 buộc bị cáo phải chấp hành là 08 năm tù; tại Bản án số 21/HSST/2018 ngày 08/02/2018 của Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2023 đến ngày 15/12/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

2. NVD, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1989 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn I, xóm J, xã K, huyện L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông M và bà N; chưa có vợ con; tiền án: Tại Bản án số 82/HSST/2021 ngày 20/07/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản”; nhân thân: Tại Bản án số 168/HSST/2011 ngày 24/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 5 năm tù tội “Cướp tài sản”; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17/01/2024 đến ngày 25/01/2024 chuyển tạm giam; có mặt.

3. PTD, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1986 tại Hải Phòng; ĐKHKTT: Số O, phường P, quận C, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số Q, tổ 8, thôn R, xã S, huyện R, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T (đã chết) và bà U có vợ là V, sinh năm 1990; có 05 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự, nhân thân: Tại Bản án số 46/HSST/2016 ngày 26/08/2016 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo tội “Huỷ hoại tài sản”; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2023 đến ngày 15/12/2023 chuyển tạm giam, ngày 25/01/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

Bị hại: Chị BH, sinh năm 2002; nơi ĐKHKTT: Thôn W, xã X, huyện Y, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Z, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; vắng mặt; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh NLQ, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 68 đường AA, xã S, huyện R, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 30/11/2023, NQV gặp NVD tại khu vực ngõ AB, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng. NVD rủ NQV cùng đi trộm cắp tài sản. NQV đồng ý và điều khiển xe mô tô chở NVD đi quanh khu vực E để tìm kiếm tài sản sơ hở. Khi đi vào khu AC, E, cả hai phát hiện 01 xe mô tô Honda Vision màu đen biển kiểm soát 15F1 - 399.86 của chị BH, sinh năm 2002; nơi ĐKHKTT: Thôn W, xã X, huyện Y, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Z, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng dựng trước nhà số Z, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng không người trông coi. NQV dừng xe để NVD đứng cạnh giới còn NQV cầm theo 01 vạm phá khóa để thực hiện hành vi trộm cắp. Sau khi kiểm tra phát hiện xe Vision dùng khóa thông minh “Smart key”, NQV thông báo cho NVD, NVD tiến lại xe Vision để dắt đi nhưng không dắt được do xe khóa cổ.

Thấy vậy NQV đã dùng chân đạp bung khóa cổ xe Vision sau đó NVD ngồi trên xe Vision còn NQV điều khiển xe mô tô đi phía sau và dùng chân đẩy xe Vision đến bãi xe dưới gầm cầu S gửi.

Khoảng 19 giờ ngày 30/11/2023, NQV liên hệ với PTD và nói: “Có con xe cần bán không giấy tờ, ông có lấy không?”, PTD đồng ý. Một lúc sau, NQV dắt xe mô tô Honda Vision màu đen vừa lấy trộm được (đã tháo biển kiểm soát) đi đến quán sửa xe tại khu vực AD phía chân cầu bên xã S gặp PTD để giao xe. PTD nhận xe sau đó gọi điện cho NLQ, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 68 đường AA, xã S, huyện R, thành phố Hải Phòng để bán xe. NLQ đồng ý và bảo PTD mang xe đến khu vực đình AE, xã S, huyện R, thành phố Hải Phòng. PTD đã đem xe đi đánh chìa khoá xe và mang tới cho NLQ. Sau khi xem xe, NLQ mua xe trên với giá 5.000.000 đồng. PTD nhận tiền và trả cho NQV 3.500.000 đồng còn 1.500.000 đồng PTD tiêu xài cá nhân. NQV chia cho NVD 1.000.000 đồng.

Sau khi nhận xe từ PTD được 15 phút, NLQ kiểm tra xe và gọi điện cho PTD để hỏi PTD về nguồn gốc xe. Khi nghe PTD nói xe của NQV, do lo sợ xe do trộm cắp mà có nên NLQ đã bảo PTD sang lấy xe về, NLQ không mua nữa. PTD đến chỗ NLQ lấy xe nhưng do không xoay được tiền trả lại cho NLQ nên đã đưa lại xe cho NLQ và nói dối không phải xe của NQV mà là xe của bạn PTD, PTD xin để nhờ đến khi có tiền sẽ sang lấy. Đến ngày 07/12/2023 khi nghe PTD bị phát hiện, bắt giữ NLQ đã mang xe Vision không gắn biển số đến để tại khu vực gầm cầu AD và bỏ đi. Chiếc xe trên đã được cơ quan điều tra thu hồi.

Tại Kết luận định giá tài sản số 74/KL - HĐĐGTS ngày 08/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hồng Bàng kết luận: Xe moto nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 15F1 - 399.86, số máy JK03E8136297, số khung RLHJK0345PY012105 trị giá 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng.

NQV, NVD và PTD bị bắt theo Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng. Tiến hành khám xét nhà của NQV tại số 50 D thu giữ: 01 xe mô tô Scoopy gắn biển kiểm soát 15AA - 288.85; 01 xe mô tô Creafi gắn biển kiểm soát 15AA - 184.80; 01 bộ vạm phá khoá, 01 sổ bảo hành mang tên AF; 01 giấy đăng ký xe mô tô Creafi biển kiểm soát 15AA - 269.59 mang tên Vũ Quốc Khánh; 01 biển kiểm soát 15AA - 269.59. Thu giữ của PTD 01 xe mô tô Honda SH Mode gắn biển kiểm soát 29Y5 - 523.85.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo NQV và NVD khai nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản như nội dung nêu trên. PTD khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. PTD thấy xe do NQV mang đến không có biển kiểm soát, không giấy tờ xe và không có chìa khoá nên nhận thức được chiếc xe Honda Vision là xe trộm cắp nhưng do giá xe rẻ hơn giá thực tế nên PTD đã mua lại để bán kiếm lời. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô Honda Vision màu đen không mang biển kiểm soát đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị BH.

- 01 bộ vạm phá khóa bằng kim loại chuyển Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng.

Về dân sự: Chị BH không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKSHB ngày 03/4/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo NQV, NVD đồng phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173; truy tố bị cáo PTD phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo NQV và NVD khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung nêu trên. PTD khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. PTD thấy xe do NQV mang đến không có biển kiểm soát, không giấy tờ xe và không có chìa khóa nên nhận thức được chiếc xe Honda Vision là xe trộm cắp nhưng do giá xe rẻ hơn giá thực tế nên PTD đã mua lại để bán kiếm lời. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Bị hại chị BH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không có yêu cầu, đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; (điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo NVD) của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NQV với mức án tù 24 tháng đến 30 tháng tù, xử phạt bị cáo NVD với mức án tù 24 tháng đến 30 tháng tù đều về tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo PTD với mức án tù 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự, do các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản riêng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị BH tại giai đoạn điều tra đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô Honda Vision màu đen không yêu cầu các bị cáo NQV, NVD bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ tại giai đoạn điều tra không yêu cầu bị cáo PTD phải trả lại số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền mua bán xe mô tô Honda Vision màu đen, nên không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ vam phá khóa bằng kim loại đã qua sử dụng.

- Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tài liệu, chứng cứ Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[3] Bị hại chị BH, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không đề nghị hoãn phiên tòa về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và sự vắng mặt của họ tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về các tình tiết của vụ án:

[4] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo NQV và NVD khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung nêu trên. PTD khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã nêu. PTD thấy xe do NQV mang đến không có biển kiểm soát, không giấy tờ xe và không có chìa khoá nên nhận thức được chiếc xe Honda Vision là xe trộm cắp nhưng do giá xe rẻ hơn giá thực tế nên PTD đã mua lại để bán kiếm lời. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ

án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 30/11/2023 NQV cùng NVD đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 15F1 - 399.86 trị giá 33.000.000 đồng (*ba mươi ba triệu*) đồng của chị BH dựng tại khu vực trước cửa nhà số Z, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng. PTD biết xe mô tô trên là tài sản do NQV trộm cắp mà có nhưng vẫn mua lại để bán kiếm lời. Tại thời điểm thực hiện hành vi (ngày 30/11/2023), các bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi hình sự. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy hành vi của các bị cáo NQV và NVD đã đồng phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; hành vi tiêu thụ tài sản của PTD đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự; Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội.

- Xét về nhân thân của các bị cáo:

[6] Bị cáo NQV có 03 tiền án: Tại Bản án số 60/HSST/2006 ngày 09/3/2006 của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án số 32/HSST/2007 ngày 28/6/2007 của Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 07 năm tù tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt với bản án số 60/HSST/2006 ngày 09/3/2006 buộc bị cáo phải chấp hành là 08 năm tù, tại Bản án số 21/HSST/2018 ngày 08/02/2018 của Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (đều đã được xóa án tích). Bị cáo NVD có 02 tiền án: Tại Bản án số 168/HSST/2011 ngày 24/11/2011 của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 5 năm tù tội “Cướp tài sản” (đã xóa án tích), tại Bản án số 82/HSST/2021 ngày 20/07/2021 của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản” (chưa xóa án tích). Bị cáo PTD có 01 tiền án: Tại Bản án số 46/HSST/2016 ngày 26/08/2016 của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Huỷ hoại tài sản” (đã xóa án tích), nên cần đánh giá các bị cáo có nhân thân xấu, không từ bỏ con đường phạm tội.

- Xét vai trò của các bị cáo trong đồng phạm tội trộm cắp tài sản:

[7] Các bị cáo NQV và NVD tham gia giữ vai trò đồng phạm giản đơn, cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong vụ án này bị cáo NQV tham gia tích cực hơn, hưởng ứng nhiệt tình, đồng ý với đề xuất của NVD, chủ động cầm sẵn dụng cụ đồ nghề là vạm phá khóa, trực tiếp phá khóa xe nhưng không dắt được, thấy vậy NQV đã dùng chân đạp bung khóa cổ xe, sau đó đi sau

điều khiển xe của mình và dùng chân đẩy xe cho NVD đi tiêu thụ, trực tiếp giao dịch bán xe cho PTD, nhân thân có 03 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản (đều đã được xóa án tích). NVD tuy là người chủ động đề xuất rủ bị cáo NQV, sau đó đứng cảnh giới để NQV thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, khi đã trộm cắp được tài sản là người trực tiếp điều khiển xe đi tiêu thụ, nhân thân có 02 tiền án đều về hành vi chiếm đoạt tài sản, trong đó tại Bản án số 82/HSST/2021 ngày 20/07/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản” (chưa xóa án tích). Căn cứ tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo trong đồng phạm cần áp dụng các điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo NQV mức án nghiêm và cao hơn bị cáo NVD; tuy nhiên do bị cáo NVD có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên cần xét xử các bị cáo mức án ngang bằng nhau là phù hợp đảm bảo tính công bằng của pháp luật. Bị cáo PTD thấy xe do NQV mang đến không có biển kiểm soát, không giấy tờ xe và không có chìa khoá nên nhận thức được là xe trộm cắp nhưng do giá xe rẻ hơn giá thực tế nên PTD đã mua để bán kiếm lời, nhân thân có 01 tiền án về hành vi Hủy hoại tài sản (đã xóa án tích).

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[8] Đối với bị cáo NVD, do Bản án số 82/HSST/2021 ngày 20/07/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa xóa án tích), nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo NQV và PTD không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[9] Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo PTD là lao động chính hiện đang nuôi 5 con còn nhỏ, kinh tế gia đình rất khó khăn đã có đơn xác nhận của chính quyền địa phương, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên và kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, bắt các bị cáo NQV và NVD phải tiếp tục chấp hành tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới có đủ điều kiện giáo dục các bị cáo và phát huy tác dụng răn đe, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung. Đối với PTD, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có nơi thường trú rõ ràng, là lao động chính trong gia đình hiện đang nuôi 5 con còn nhỏ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn đã có đơn xác nhận của chính quyền địa phương, nên không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, giao bị cáo cho chính

quyền địa phương nơi bị cáo thường trú cùng gia đình giám sát là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[11] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173, khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự thì “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

[12] Bị hại chị BH tại giai đoạn điều tra đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô Honda Vision màu đen không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ không yêu cầu bị cáo PTD trả lại 5.000.000 (năm triệu) đồng là tiền mua bán xe mô tô Honda Vision màu đen, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

[14] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ vạm phá khóa bằng kim loại đã qua sử dụng.

- Về án phí:

[15] Các bị cáo NQV, NVD và PTD phải nộp mỗi bị cáo 200.000 nghìn đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[16] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Trong vụ án này:

[17] Đối với đối tượng NLQ do chưa đủ căn cứ xác định NLQ có hành vi tiêu thụ hoặc chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã ra Quyết định số 474A/QĐ-ĐCSHS ngày 04/3/2024 tách hành vi, tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[18] Đối với 01 xe mô tô Creafi gắn biển kiểm soát 15AA - 184.80, 01 sổ bảo hành có tên AF, 01 giấy đăng ký xe mô tô Creafi BKS 15AA - 269.59 mang tên Vũ Quốc Khánh, 01 biển kiểm soát 15AA - 269.59 là vật chứng trong vụ án Trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện An Dương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý theo thẩm quyền.

[19] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Scoopy gắn biển kiểm soát 15AA - 288.65 là vật chứng trong vụ án Trộm cắp tài sản xảy ra tại địa bàn quận C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý theo thẩm quyền.

[20] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode gắn biển kiểm soát 29Y5 - 523.85 thu giữ được của PTD là vật chứng trong vụ Trộm cắp tài sản xảy ra tại địa bàn phường Đằng Lâm, quận Hải An, PTD khai nhận đã mua chiếc xe trên của 01 người nam giới trên mạng xã hội (hiện không xác định được lai lịch, địa chỉ). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã bàn giao tang vật cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An để xác minh, điều tra và tiếp tục xử lý theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 (điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo NVD) của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo NVD và NQV phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: NVD 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2024.

- Xử phạt: NQV 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/12/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; khoản 1 Điều 65; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo PTD phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Xử phạt: PTD 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo PTD cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện R, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, bị cáo PTD cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo PTD thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ vạm phá khóa bằng kim loại đã qua sử dụng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng).

Về biện pháp ngăn chặn:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 124 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo PTD trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Bảo Lãnh đối với bị cáo PTD.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo NQV, NVD và PTD mỗi bị cáo đều phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Các bị cáo NQV, NVD và PTD được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại chị BH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự quận Hồng Bàng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Mười

- Lưu hồ sơ vụ án.